

Số: 1452 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thực hiện các đề tài NCKH sinh viên thường niên  
trong năm học 2022-2023 do Trường hỗ trợ kinh phí

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Chương V "Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên" quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 1171/QĐ-MĐC, ngày 12/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông báo số 497/TB-MĐC ngày 19/9/2022 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc triển khai thực hiện Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2022-2023 (Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 36);

Theo đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Trưởng các Khoa.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép 191 đề tài NCKH sinh viên (có danh mục kèm theo) được thực hiện trong kế hoạch năm học 2022-2023. Kinh phí hỗ trợ cho việc thực hiện mỗi đề tài là **2.600.000đ** (bằng chữ: Hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn) trong đó **2.000.000đ** dành cho sinh viên thực hiện nghiên cứu và **600.000đ** dành cho giáo viên hướng dẫn. Các đề tài được tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy chế hiện hành.

**Điều 2.** Kinh phí thực hiện cho 191 đề tài trên được trích từ nguồn thu sự nghiệp khác năm 2022 của Nhà trường.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các Khoa, Bộ môn, phòng Khoa học Công nghệ và phòng Kế hoạch Tài chính, các sinh viên, cán bộ hướng dẫn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- HUMG e-OFFICE;
- Đoàn TNCS HCM Trường;
- Lưu: HCTH, KHTC, CTSV, KHCN.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

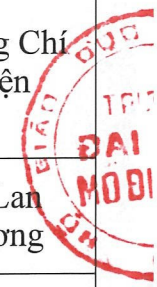
GS.TS Bùi Xuân Nam

**DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN THƯỜNG NIÊN  
DO NHÀ TRƯỜNG TÀI TRỢ KINH PHÍ ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC 2022-2023**

(kèm theo quyết định số 1452/QĐ-MĐC ngày 23 tháng 11 năm 2022)

Tổng số đề tài: 191

| STT      | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện  | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn      |
|----------|---|--|--|-----------------------|
| <b>I</b> | <b>KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (29 đề tài)</b>   |  |  |                       |
| 1        | Thuật toán Kiến   | Trần Diệu Linh<br>Đỗ Huy Hoàng<br>Vũ Thị Mai Chi<br>Ngô Linh Chi<br>Lê Khả Phiêu                 | Khoa học Máy tính B K65<br>Tin học kinh tế B K65<br>Khoa học Máy tính B K65<br>Khoa học Máy tính B K65<br>Hệ thống thông tin B K65     | Dương Chí Thiện       |
| 2        | Xây dựng Game cho sinh viên mới học lập trình   | Hồ Thị Phương<br>Nguyễn Đức Mạnh<br>Nguyễn Việt Hoàng Nam<br>Nguyễn Thị Ngọc Hân<br>Ngô Thị Loan | Hệ thống thông tin B K65<br>Công nghệ phần mềm B K65<br>Công nghệ phần mềm B K65<br>Công nghệ thông tin K66<br>Công nghệ thông tin K66 | Dương Chí Thiện       |
| 3        | Phân tích dữ liệu và xây dựng một số mô hình phân loại cho bài toán dự đoán đặt mua sách              | Nguyễn Trần Thái<br>Lê Nguyên Quý<br>Nguyễn Thị Liên   | Công nghệ phần mềm A K65<br>Công nghệ phần mềm C K65<br>Hệ thống thông tin B K65   | Vũ Lan Phương         |
| 4        | Nghiên cứu xây dựng ứng dụng IoT giám sát mức tiêu thụ điện - nước sinh hoạt cho hộ gia đình          | Lê Thị Minh (NT)<br>Ngô Sơn Bách<br>Nguyễn Văn Quang   | Khoa học máy tính ứng dụng B K64<br>Khoa học máy tính ứng dụng A K64<br>Công nghệ phần mềm B K64                                       | Nguyễn Duy Huy        |
| 5        | Nghiên cứu, phân tích dữ liệu Netflix và trực quan hóa dữ liệu trong Tableau                          | Bùi Thị Phương Lâm (NT)<br>Phạm Văn Đồng<br>Nguyễn Đức Long                                      | Khoa học máy tính ứng dụng A K65<br>Công nghệ phần mềm B K64<br>Khoa học máy tính ứng dụng B K65                                       | Nguyễn Thị Phương Bắc |
| 6        | Nghiên cứu, ứng dụng thị giác máy tính và học máy giải bài toán Sudoku                                | Hồ Văn Đức (NT)<br>Nguyễn Thị Hằng<br>Quách Thị Phương Hoa                                       | Khoa học máy tính ứng dụng A K64<br>Khoa học máy tính ứng dụng A K64<br>Khoa học máy tính ứng dụng A K64                               | Đặng Văn Nam          |
| 7        | Nghiên cứu, phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới bệnh tim dựa trên tập dữ liệu HeartDisease | Nguyễn Văn Huy (NT)<br>Mai Thị Diễm<br>Nguyễn Hoàng Tùng Phong                                   | Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66                               | Đặng Văn Nam          |



| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện  | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn     |
|-----|---|--|--|----------------------|
| 8   | Xây dựng ứng dụng nhận diện biển báo giao thông trên thiết bị di động                         | Trần Thị Hạnh<br>Trần Việt Dũng<br>Lê Văn Nam  | Tin Kinh tế A K65<br>Khoa học Máy tính B K65<br>Công nghệ thông tin K66  | Lê Hồng Anh          |
| 9   | Xây dựng website quản lý nghiên cứu khoa học sinh viên  | Phạm Bá Thọ<br>Đình Tiến Thành Long<br>Trần Quang Vũ<br>Phạm Xuân Trường<br>Hoàng Quốc Luật    | Công nghệ phần mềm B K65<br>Công nghệ phần mềm B K65<br>Công nghệ phần mềm C K65<br>Công nghệ phần mềm C K65<br>Công nghệ phần mềm B K65                 | Phạm Thị Nguyệt      |
| 10  | Xây dựng mô hình dự báo chuỗi thời gian bằng Python   | Chu Tiến Sơn<br>Nguyễn Tuấn Nghĩa<br>Vũ Đình Hoàng<br>Nguyễn Ngọc Minh                         | Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Công nghệ phần mềm K65C<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66                      | Nguyễn Thu Hằng      |
| 11  | Phân tích và dự báo hành vi của khách hàng bằng mô hình học sâu                               | Trần Hoàng Diệu<br>Lưu Tiến Đạt<br>Nguyễn Thị Vân Anh<br>Đoàn Thị Quỳnh Chi                    | Tin học Kinh tế A K65  | Dương Thị Hiền Thanh |
| 12  | Xây dựng hệ thống nhận diện cảm xúc bằng giọng nói  | Phan Thành Đạt<br>Nguyễn Viết Thái<br>Đỗ Đức Hoàn<br>Nguyễn Thị Thùy Trang                     | Khoa học máy tính A K65<br>Khoa học máy tính A K65<br>Khoa học máy tính B K65<br>Hệ thống thông tin B K65  | Dương Thị Hiền Thanh |
| 13  | Nghiên cứu xây dựng hệ thống điều hành tác nghiệp trực tuyến cho Trường Đại học Mở - Địa chất | Đình Văn Hưng<br>Hoàng Công Thuận<br>Nghiêm Hữu Hoài<br>Phạm Tiến Dũng<br>Phùng Việt Anh       | Công nghệ thông tin B1 K66<br>Mạng máy tính A K65<br>Công nghệ phần mềm C K65<br>Công nghệ thông tin B1 K66<br>Công nghệ thông tin F1 K66                | Nguyễn Thế Lộc       |
| 14  | Xây dựng phần mềm quản lý trung tâm Anh ngữ American Links                                    | Nguyễn Việt An<br>Đình Tiến Thành<br>Nguyễn Xuân Khánh<br>Hoàng Văn Toàn<br>Nguyễn Quang Thành | Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Công nghệ thông tin B2 K66<br>Công nghệ thông tin B2 K66<br>Công nghệ thông tin B2 K66<br>Công nghệ thông tin B2 K66 | Nguyễn Thế Lộc       |

| STT | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện   | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn    |
|-----|--|---|---|---------------------|
| 15  | Phát hiện đối tượng trong ảnh bằng mô hình học sâu                                   | Đặng Văn Đức<br>Lê Long Khánh   | Công nghệ phần mềm A K63<br>Công nghệ phần mềm B K63  | Lê Văn Hưng         |
| 16  | Phân chia phân khúc khách hàng sử dụng mô hình RFM                                   | Trần Duy Linh   | Công nghệ phần mềm D K62  | Lê Văn Hưng         |
| 17  | Xây dựng hệ thống quản lý và định vị cơ sở vật chất của trường Đại học Mở - Địa chất | Nguyễn Việt Anh<br>Nguyễn Kim Hiếu<br>Bùi Trung Hiếu<br>Hà Văn Sáng<br>Nguyễn Thị Khâm  | Công nghệ phần mềm B K64<br>Công nghệ phần mềm A K64<br>Công nghệ phần mềm A K64<br>Công nghệ phần mềm A K64<br>Tin Kinh tế K64                         | Hoàng Anh Đức       |
| 18  | Xây dựng hệ thống quản lý lớp học online   | Trần Hữu Hùng<br>Bùi Thị Minh Hà<br>Hoàng Anh Quân<br>Nguyễn Xuân Hợp<br>Trần Văn Vượng | Công nghệ phần mềm B K64<br>Công nghệ phần mềm C K65<br>Khoa học Máy tính - Ứng dụng B K65<br>Khoa học Máy tính - Ứng dụng A K65<br>Mạng Máy tính B K65 | Hồ Thị Thảo Trang   |
| 19  | Xây dựng phần mềm ứng dụng di động Đánh giá mức độ tự kỷ ở trẻ em theo thang CARS    | Lê Hữu Văn<br>Phạm Quốc Huy<br>Trương Văn Huy<br>Hồ Anh Tuấn                            | Công nghệ phần mềm C K65<br>Tin Địa học K65<br>Công nghệ phần mềm B K65<br>Khoa học máy tính A K65  | Nguyễn Tuấn Anh     |
| 20  | Ứng dụng kỹ thuật Seo cho trang tuyển sinh của trường Đại học Mở-Địa chất .          | Đoàn Thị Thùy Linh<br>Phạm Hồng Hiệp<br>Hoàng Trung Hiếu<br>Khuất Thị Thanh Hải         | Công nghệ thông tin F1 K66  | Đỗ Như Hải          |
| 21  | Nghiên cứu xây dựng website quản lý cơ sở dữ liệu môi trường                         | Nguyễn Sỹ Long<br>Nguyễn Hoàng Việt<br>Hà Trung Hiếu<br>Nguyễn Thái Châu                | Công nghệ thông tin (CLC) A2 K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A2 K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66            | Nguyễn Thị Mai Dung |
| 22  | Nghiên cứu xây dựng ứng dụng webGIS hỗ trợ việc tìm nhà trọ                          | Bùi Quý Cường<br>Nguyễn Hoài Nam<br>Kiều Duy Phong<br>Trần Văn Phương<br>Trịnh Công Sơn | Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66  | Nguyễn Hoàng Long   |

| STT | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện   | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn    |
|-----|--|---|--|---------------------|
| 23  | Tìm hiểu và nghiên cứu 1 số phương pháp trực quan hóa dữ liệu không gian   | Nguyễn Thế Hoàn<br>Nguyễn Tùng Lâm<br>Phạm Văn Hưởng<br>Phạm Thị Liên                       | Khoa học Dữ liệu K66   | Nguyễn Hoàng Long   |
| 24  | Nghiên cứu các công nghệ website 3D  | Lê Minh Phương<br>Đào Thùy Dương<br>Trương Thị Hoài Thương<br>Đặng Thùy Trang<br>Vũ Thị Huệ | Mạng máy tính A K64<br>Công nghệ phần mềm B K65<br>Công nghệ phần mềm B K65<br>Mạng máy tính A K65<br>Khoa học máy tính B K64                    | Đinh Bảo Ngọc       |
| 25  | Phân tích và cải tiến trí tuệ nhân tạo trong trò chơi cờ ca-rô   | Trần Võ Trung Đức<br>Chu Thúy Quỳnh<br>Lê Anh Tuấn  | Khoa học Dữ liệu K66<br>Công nghệ thông tin (CLC) A1 K66<br>Địa học K65  | Trần Trung Chuyên   |
| 26  | Nghiên cứu thư viện mã nguồn mở xây dựng một số bài toán xử lý ảnh   | Trần Công Bảo<br>Phạm Thị Hải Anh<br>Lê Thị Thảo Vân<br>Nguyễn Hồng Long                    | Công nghệ thông tin G1 K66<br>Công nghệ thông tin G1 K66<br>Công nghệ thông tin G1 K66<br>Khoa học máy tính ứng dụng B K65                       | Trần Mai Hương      |
| 27  | Nghiên cứu ArcGis Model Builder thành lập bản đồ thành phần phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu lũ quét  | Lương Viết Khởi<br>Nguyễn Hồng Kỳ<br>Hứa Đình Lộc   | Công nghệ thông tin địa học k64<br>Công nghệ thông tin địa học k64<br>Công nghệ thông tin địa học k64  | Ngô Thị Phương Thảo |
| 28  | Nghiên cứu và thực nghiệm thuật toán Máy Học Tập (machine learning): Support Vector Machine (SVM) trong bài toán phân loại lớp phủ (LULC) trên ảnh vệ tinh đa phổ Sentinel-2 | Đinh Thị Huyền Trang<br>Nguyễn Quý Cường<br>Nguyễn Việt Anh<br>Trần Thu Thảo<br>Trần Đức Vũ | Công nghệ thông tin Địa học B K65<br>Khoa học dữ liệu K66<br>Khoa học dữ liệu K66<br>Khoa học máy tính K65<br>Công nghệ thông tin K2 K66         | Trần Trường Giang   |
| 29  | Nghiên cứu và xây dựng thử nghiệm một số RESTful API cho dữ liệu GIS Vector  | Nguyễn Thế An<br>Nguyễn Thị Thu Trang<br>Phạm Ngọc Vượng<br>Vương Đức Bắc                   | Công nghệ thông tin Địa học A K65<br>Công nghệ thông tin Địa học A K65<br>Công nghệ thông tin Địa học B K65<br>Công nghệ thông tin Địa học B K65 | Trần Trường Giang   |

| STT                                | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện   | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn        |
|------------------------------------|--|---|--|-------------------------|
| <b>II KHOA CƠ ĐIỆN (25 đề tài)</b> |  |   |  |                         |
| 1                                  | Thiết kế và chế tạo gương thông minh   | Đặng Đại Việt<br>Phạm Nguyên Dương<br>Phạm Minh Tú<br>Ngô Thế Nam<br>Nguyễn Hồng Hưng | Điện - Điện tử K65                                 | Tổng Ngọc Anh           |
| 2                                  | Nghiên cứu thiết kế và chế tạo ăng-ten có độ định hướng cao cho thiết bị di động                   | Trần Đăng Lý<br>Lê Quang Minh<br>Trương Đức Thái                                      | Điện - Điện tử K64                                 | Nguyễn Tiến Sỹ          |
| 3                                  | Nghiên cứu tính toán và mô phỏng điện - nhiệt của khối công suất trong xe điện                     | Nguyễn Khánh Ngọc<br>Nguyễn Hoàng Anh<br>Nguyễn Nhật Quyền                            | Điện - Điện tử K65                                 | Nguyễn Tiến Sỹ          |
| 4                                  | Thiết kế, chế tạo module điều khiển động cơ một chiều không chổi than công suất nhỏ ( $P < 100W$ ) | Nguyễn Danh Sơn<br>Lê Đức Chính<br>Kiều Ngọc Sơn                                      | Điện - Điện tử K64                                 | ThS Nguyễn Trường Giang |
| 5                                  | Nghiên cứu thiết kế mạch nạp ắc-quy từ hệ thống pin năng lượng mặt trời                            | Nguyễn Trọng Dương<br>Hồ Văn Hùng Anh<br>Lê Huy Lĩnh                                  | Ô-tô K66<br>Kỹ thuật Điện K66<br>Kỹ thuật Điện K66 | Nguyễn Thạc Khánh       |
| 6                                  | Nghiên cứu, chế tạo mô hình hệ thống máy phát điện năng lượng gió                                  | Nguyễn Minh Đức<br>Trần Văn Tiền<br>Nguyễn Thanh Toàn<br>Nguyễn Đình Thảo             | Điện công nghiệp K65                               | Ngô Thanh Tuấn          |
| 7                                  | Tính toán, thiết kế kết cấu cơ khí máy in 3D Core XY   | Lê Văn Thọ<br>Vũ Văn Nguyên<br>Nguyễn Văn Nhã   | Công nghệ chế tạo máy K66                          | Phạm Thị Thủy           |
| 8                                  | Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng mô hình thiết bị hỗ trợ hàn ống thép                                | Nguyễn Đức Hoàng<br>Nguyễn Tuyền Khánh<br>Nguyễn Ngọc Linh                            | Công nghệ chế tạo máy K66                          | Nguyễn Sơn Tùng         |

| STT | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện  | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn  |
|-----|--|--|--|-------------------|
| 9   | Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng mô hình thí nghiệm mô tả hoạt động của bộ điều tốc tua-bin thủy lực | Trương Đình Đức<br>Cao Xuân Trường<br>Nguyễn Đăng Nam<br>Tạ Đình Thứ | Tự động hóa K64<br>Cơ khí ô tô K65<br>Tự động hóa K65<br>Công nghệ chế tạo máy K66 | Nguyễn Sơn Tùng   |
| 10  | Tính toán, thiết kế mô hình tàu đệm khí  | Đặng Đình Thức<br>Lê Khắc Khánh<br>Đình Hoàng Hải                    | Kỹ thuật cơ khí động lực K66   | Đoàn Kim Bình     |
| 11  | Tính toán, thiết kế mô hình đóng dầu tự động bằng khí nén  | Nguyễn Duy Lộc<br>Nguyễn Trường Chinh<br>Nguyễn Văn Thành            | Kỹ thuật cơ khí động lực K66   | Đoàn Kim Bình     |
| 12  | Tính toán, thiết kế và xây dựng mô hình máy ép bùn trục vít – đa đĩa                               | Nguyễn Anh Tú<br>Trương Phan Quốc Khánh<br>Vũ Trường Sơn             | Công nghệ chế tạo máy K64  | Nguyễn Thanh Tùng |
| 13  | Tính toán, thiết kế kết cấu cơ khí bơm bánh răng phi tiêu chuẩn                                    | Nguyễn Văn Linh<br>Đàm Quang Mạnh<br>Nguyễn Văn Tú                   | Công nghệ chế tạo máy K64  | Nguyễn Thanh Tùng |
| 14  | Xây dựng và phát triển mô hình ngôi nhà thông minh   | Trần Quốc Thắng<br>Nguyễn Quang Duy                                  | Tự động hóa B K64  | Đặng Văn Chí      |
| 15  | Nghiên cứu xây dựng Hệ thống phát hiện hỏa hoạn và thoát hiểm hỏa hoạn cho nhà cao tầng            | Ngô Khắc Lượng<br>Đình Tiến Mạnh                                     | Tự động hóa B K65  | Nguyễn Thế Lực    |
| 16  | Ứng dụng Logo để mô phỏng hệ thống quản lý bãi đỗ xe tự động                                       | Trần Thị Minh Ánh<br>Phạm Quang Hùng<br>Phạm Minh Quân               | Tự động hóa C1 K66   | Uông Quang Tuyền  |
| 17  | Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý nhân sự ứng dụng thẻ RF-ID và công nghệ nhận dạng vân tay      | Lê Viết Cường<br>Hà Minh Dương                                       | Tự động hóa K65<br>Quản trị kinh doanh A K65                                       | Đào Hiếu          |
| 18  | Tính toán, thiết kế thiết bị uốn ống thép đường kính từ $\phi 19 \div 32\text{mm}$                 | Nguyễn Tiến Mạnh<br>Nguyễn Văn Huân<br>Ngô Văn Tú                    | Cơ khí Ô tô K65  | Phạm Văn Tiến     |

| STT        | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện  | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn |
|------------|--|--|--|------------------|
| 19         | Ứng dụng phương pháp Scan 3D trong thiết kế khuôn chế tạo cánh quạt hướng trục   | Đặng Minh Thư<br>Vũ Đình Xuyên<br>Phạm Công Chức<br>Nguyễn Việt Thắng                  | Cơ điện tử A K66   | Đặng Vũ Đình     |
| 20         | Nghiên cứu tính toán thiết kế máy tách nước ly tâm sử dụng trong các dây chuyền tuyển than                                 | Dương Thị Quyên<br>Nhâm Ngọc Linh<br>Trần Văn Dương<br>Nguyễn Tôn Hoàng<br>Trần Quý An | Cơ điện tử B K66<br>Cơ điện tử B K66<br>Cơ điện tử A K66<br>Cơ điện tử B K66<br>Cơ điện tử B K66 | Nguyễn Văn Xô    |
| 21         | Nghiên cứu ô tô tự lái trong quá trình tìm vị trí đỗ xe tại đô thị   | Đỗ Xuân Chiêu<br>Ngô Xuân Duy  | Cơ khí ô tô K64  | Trần Viết Linh   |
| 22         | Xây dựng mô hình thí nghiệm khảo sát tỷ số truyền tức thời của bộ truyền động xích   | Nguyễn Việt Đạt<br>Nguyễn Văn Đô   | Cơ điện tử B K66   | Nguyễn Thế Hoàng |
| 23         | Xây dựng mô hình xe tự hành, dò đường bằng sóng siêu âm  | Lê Đức Kiên<br>Phạm Việt Hoàng   | Cơ điện tử B K66   | Nguyễn Thế Hoàng |
| 24         | Tính toán, thiết kế và chế tạo ô tô điện   | Trần Quốc Chiến<br>Nguyễn Văn Sơn<br>Nguyễn Bá Nam<br>Lê Phan Xuân An<br>Hàn Đức Toàn  | Cơ khí ô tô K64  | Nguyễn Khắc Lĩnh |
| 25         | Tính toán thiết kế máy nướng bánh đa năng suất 200 cái/giờ   | Nguyễn Đức Vinh<br>Nguyễn Quyền Linh<br>Phùng Đức Phương                               | Máy và thiết bị Mỏ K66   | Nguyễn Khắc Lĩnh |
| <b>III</b> | <b>DẦU KHÍ (11 đề tài)</b>   |  |  |                  |
| 1          | Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ăn mòn, đảm bảo an toàn vận hành hệ thống các đường ống ngầm tại mỏ Nam Rồng - Đồi Mồi. | Võ Văn Cường<br>Cao Văn Chung<br>Nguyễn Minh Dũng                                      | Thiết bị Dầu khí K65   | Nguyễn Văn Thịnh |
| 2          | Nghiên cứu giải pháp tăng hiệu quả tách nước ở bình tách C1-1 tại giàn CNTT-2 của Vietsovpetro                             | Nguyễn Văn Hào<br>Đỗ Gia Hoà<br>Nguyễn Thị Huyền<br>Dương Khắc Tuấn Anh                | Thiết bị Dầu khí K65   | Lê Đức Vinh      |



| <b>STT</b> | <b>Tên đề tài đăng ký</b>  | <b>Sinh viên thực hiện</b>  | <b>Lớp</b>                     | <b>Cán bộ hướng dẫn</b> |
|------------|--|---|--------------------------------|-------------------------|
| 3          | Tìm hiểu về đường ống vận chuyển Codensate và giải pháp nâng cao khả năng vận chuyển của hệ thống đường ống tại mỏ Hải Thạch | Nguyễn Đức Huy<br>Ngô Thành Nam<br>Phạm Tuấn Anh<br>Trịnh Đức Anh                             | Thiết bị Dầu khí K65           | Nguyễn Thanh Tuấn       |
| 4          | Tìm hiểu thiết bị miệng giếng của các giếng khoan khai thác dầu khí mới thi công tại mỏ Bạch Hổ                              | Bùi Hồng Phúc<br>Hà Mạnh Hùng<br>Phan Quang Tùng<br>Trần Quang Minh                           | Thiết bị Dầu khí K65           | Hoàng Anh Dũng          |
| 5          | Nghiên cứu biến tính vật liệu mesopore trên cơ sở silic tro trấu làm chất hấp phụ bảo vệ môi trường                          | Đào Thị Quỳnh Trang<br>Trần Thị Mỹ Anh<br>Hà Trọng Mạnh<br>Bùi Thị Thúy                       | Công nghệ kỹ thuật hóa học K65 | Ngô Thanh Hải           |
| 6          | Nghiên cứu tổng hợp hạt nhựa tự hủy sinh học trên cơ sở tinh bột biến tính và polylactic acid                                | Trần Minh Thuận<br>Nguyễn Thành Trung<br>Lê Tấn Duẩn<br>Võ Hoài Ân                            | Lọc Hóa dầu K64 – Vũng Tàu     | Nguyễn Thị Linh         |
| 7          | Nghiên cứu tổng hợp vật liệu mao quản từ nguồn tự nhiên, ứng dụng xử lý hợp chất gây ô nhiễm nguồn nước                      | Trần Thu Trang<br>Ninh Ngọc Hải<br>Nguyễn Khánh Toàn<br>Nguyễn Hữu Quang<br>Đỗ Quang Minh     | Công nghệ Kỹ thuật hóa học K66 | TS Ngô Hà Sơn           |
| 8          | Nghiên cứu tổng hợp xanh vật liệu biocomposite trên cơ sở nano-hydroxyapatite sử dụng trong kỹ thuật mô xương                | Phạm Thị Yến Phi<br>Trần Thị Ngọc Bích<br>Phan Trung Kiên<br>Lê Thị Thúy Vi<br>Nguyễn Văn Tèo | Lọc Hóa dầu K64 – Vũng Tàu     | Phạm Xuân Núi           |
| 9          | Nghiên cứu quy trình thu hồi kim loại Niken, Cobanlt từ quặng thải Cromite   | Phan Thị Hương Phú<br>Lê Huy Bình<br>Hoàng Phương Anh   | Lọc-Hóa dầu K66                | Phạm Trung Kiên         |

| STT       | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện   | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn |
|-----------|--|---|---|------------------|
| 10        | Chế tạo vật liệu cảm biến sinh học quang điện trên cơ sở MInS2 ( M= Cu, Ag ) để phát hiện chất ô nhiễm       | Phạm Thị Thanh<br>Nguyễn Thị Duyên<br>Võ Hoàng Thúy Vy<br>Nguyễn Thành Lâm                  | Công nghệ kỹ thuật hóa học K64  | Phạm Xuân Núi    |
| 11        | Đánh giá tiềm năng sản xuất Hydro từ các mỏ khí suy giảm sản lượng tại Việt Nam                              | Nguyễn Thị Thủy<br>Vũ Minh Đức<br>Bùi Thế Tài   | Khoan - Khai thác k64   | Nguyễn Thế Vinh  |
| <b>IV</b> | <b>KHOA KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT (29 đề tài)</b>  |   |   |                  |
| 1         | Cấu trúc địa chất và mối quan hệ tới sự phân bố quặng hóa mỏ đồng Sin Quyền, huyện Bát Sát, tỉnh Lào Cai     | Ngô Ngọc Sơn<br>Trương Anh Tuệ  | Kỹ thuật địa chất K64   | Bùi Vinh Hậu     |
| 2         | Bảng chứng kiến tạo hoạt động khu vực Mường Tè dựa trên chỉ số địa mạo dòng chảy trích xuất từ ảnh ALOS DEM  | Lâm Đại Nam<br>Hoàng Hoài Thu<br>Trần Thị Hải Anh   | Địa chất học K66  | Vũ Anh Đạo       |
| 3         | Nghiên cứu biến động đường bờ khu vực cửa sông Tiên, sông Hậu và các tai biến liên quan.                     | Vũ Thành An<br>Vũ Vân Anh   | Địa chất học K66  | Ngô Thị Kim Chi  |
| 4         | Nghiên cứu đặc điểm vận động kiến tạo trẻ đới bờ Sông Tiên khu vực thành phố Vĩnh Long                       | Nguyễn Thanh Bình<br>Trần Thị Vân<br>Lương Đức Tuấn   | Địa chất học k65  | Bùi Vinh Hậu     |
| 5         | Tiềm năng phát triển du lịch địa chất khu vực Tràng An- Ninh Bình  | Nguyễn Thị Minh Thư<br>Mai Khánh Linh<br>Hoàng Thị Hằng<br>Vũ Công Minh                     | Du lịch địa chất K66  | Phan Văn Bình    |
| 6         | Nghiên cứu tốc độ bóc mòn rìa Tây Nam Biển Đông trên cơ sở định tuổi vết vạch Apatit                         | Lê Thị Bích Hằng<br>Lưu Quang Chung   | Địa chất học k65  | Nguyễn Hữu Hiệp  |
| 7         | Nghiên cứu thực nghiệm trong phòng khả năng sử dụng cát biển chế tạo bê tông đầm lăn cho công trình thủy lợi | Nguyễn Thị Hồng Phượng<br>Nguyễn Thanh Thúy<br>Đặng Thị Linh<br>Lý Duy Nam<br>Trần An Khánh | Kỹ thuật địa chất K64<br>Kỹ thuật địa chất K64<br>Địa kỹ thuật Xây dựng K66<br>Địa kỹ thuật Xây dựng K66<br>Địa kỹ thuật Xây dựng K66 | Bùi Trường Sơn   |

| <b>STT</b> | <b>Tên đề tài đăng ký</b>  | <b>Sinh viên thực hiện</b>  | <b>Lớp</b>                | <b>Cán bộ hướng dẫn</b> |
|------------|--|---|---------------------------|-------------------------|
| 8          | Nghiên cứu ảnh hưởng của độ ẩm đến cường độ kháng nén nở hông (UCS)  | Nguyễn Tiến Ngộ<br>Phạm Văn Khởi<br>Vũ Hoàng Anh  | Địa kỹ thuật Xây dựng K65 | Nguyễn Văn Hùng         |
| 9          | Nghiên cứu chế tạo tấm bê tông cốt sợi từ tro xỉ nhà máy nhiệt điện  | Nguyễn Khánh Ly<br>Vũ Bảo<br>Trần Duy Dũng<br>Nguyễn Văn Tuấn Anh<br>Nghiêm Xuân Minh         | Địa kỹ thuật Xây dựng K66 | Bùi Văn Bình            |
| 10         | Nghiên cứu thực nghiệm và mô hình đặc trưng biến dạng lún của đất phục vụ dự báo độ lún theo thời gian của công trình                  | Nguyễn Đức Tân<br>Thiều Quang Hùng<br>Hoàng Văn Thịnh<br>Đoàn Quang Trường<br>Nguyễn Hữu Việt | Địa kỹ thuật Xây dựng K66 | Nguyễn Thị Nụ           |
| 11         | Nghiên cứu xác định tính chất động học của đất bằng thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn, áp dụng cho khu vực quy hoạch điện gió tỉnh Sóc Trăng | Đặng Tuấn Kiệt<br>Nguyễn Hoàng Đức Anh<br>Nguyễn Xuân Quý<br>Nguyễn Văn Thắng                 | Địa kỹ thuật Xây dựng K66 | Nguyễn Văn Phóng        |
| 12         | So sánh đặc tính nén lún của đất loại sét trong điều kiện bão hòa và điều kiện tự nhiên.   | Nguyễn Duy Tuấn,<br>Lê Quang Tấn,<br>Nguyễn Ngọc Thịnh,<br>Tăng Văn Quang                     | Địa kỹ thuật Xây dựng K66 | Phạm Thị Việt Nga       |
| 13         | Nghiên cứu đánh giá khả năng hóa lỏng của cát phân bố ở khu vực ven biển Thanh Hóa dựa trên kết quả thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)  | Đỗ Công Mười<br>Nguyễn Trung Đại<br>Cao Văn Thiên<br>Nguyễn Hữu Khoa                          | Kỹ thuật địa chất K65     | Nguyễn Thành Dương      |
| 14         | Giải đoán nguyên nhân gây mất ổn định mái taluy dương tại khu du lịch sinh thái Đại Lải  | Dương Trung Kiên<br>Đoàn Mạnh Quỳnh<br>Nguyễn Đức Xuân<br>Đỗ Mạnh Toàn                        | Địa kỹ thuật Xây dựng K66 | Bùi Văn Bình            |

| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện   | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn      |
|-----|---|---|--|-----------------------|
| 15  | Các phương pháp tính toán sức chịu tải của cọc, lấy ví dụ cho công trình văn phòng làm việc số 59 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội | Nguyễn Trường Giang<br>Nguyễn Quang Trung<br>Nguyễn Thành Quang       | Kỹ thuật Địa chất K64                                  | Phạm Minh Tuấn        |
| 16  | Nghiên cứu đặc điểm chất lượng quặng graphit khu vực Bảo Hà, Bảo Yên, Lào Cai.  | Sisoulath Sila<br>Vũ Đình Đức   | Kỹ thuật Địa chất K64                                  | Phạm Thị Thanh Hiền   |
| 17  | Đặc điểm thành phần khoáng vật, cấu tạo và kiến trúc quặng vàng khu Tiến Thành, vùng Yên Thành, tỉnh Nghệ An.                                       | Đoàn Tùng Lâm<br>Vũ Xuân Bá<br>Trần Thị Hương                         | Kỹ thuật Địa chất K65                                  | Hoàng Thị Thoa        |
| 18  | Nghiên cứu đề xuất các sản phẩm du lịch đặc thù cho Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông   | Nguyễn Đức Chiến<br>Lý Tuấn Bình<br>Nguyễn Phi Hùng                   | Kỹ thuật Địa chất K66                                  | Đỗ Mạnh An            |
| 19  | Đặc điểm khoáng vật, địa hóa kết vôi, kết hạch sắt – mangan khu vực biển sâu Nam Trung Bộ   | Mai Thị Nhung<br>Nguyễn Minh Luân<br>SONEPHANTHALATH<br>Nongkhamphanh | Kỹ thuật Địa chất K66                                  | Nguyễn Khắc Du        |
| 20  | Đặc điểm chất lượng kaolin - feldspat khu Nậm Choong, Hà Giang và định hướng sử dụng.   | Đỗ Tuấn Anh<br>Nguyễn Thế Anh<br>Nguyễn Thị Khánh Linh                | Kỹ thuật Địa chất K66                                  | Nguyễn Thị Thanh Thảo |
| 21  | Đặc điểm địa chất và khoáng hóa mỏ Au Pác Lạng, Ngân Sơn, Bắc Kạn   | Trần Như Ngọc<br>Đỗ Văn Viên  | Kỹ thuật Địa chất K64<br>Tại chức Địa chất thăm dò K64 | Lê Xuân Trường        |
| 22  | Xây dựng Atlas bộ mẫu quặng Pb-Zn khu vực Chợ Đồn, Chợ Điện, tỉnh Bắc Kạn   | Phạm Minh Đức<br>Đoàn Mạnh Cường                                      | Kỹ thuật Địa chất K66                                  | Khương Thế Hùng       |
| 23  | Nghiên cứu chế tạo sỏi nhẹ sử dụng sét khu vực Hương Canh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc trong phòng thí nghiệm   | Nguyễn Văn Cường<br>Phạm Quang Thế                                    | Kỹ thuật Địa chất K66                                  | Tạ Thị Toán           |
| 24  | Đặc điểm khoáng vật học của asenopyrit và pyrit trong quặng vàng khu Nam Quang (Cao Bằng) và Bó Va (Bắc Kạn).                                       | Đào Quang Tùng<br>Nguyễn Tuấn Tú                                      | Kỹ thuật Địa chất K66                                  | Lê Thị Thu            |

| STT      | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện  | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn       |
|----------|--|--|--|------------------------|
| 25       | Đặc điểm chất lượng cát trắng khu vực Phong Chương, tỉnh Thừa Thiên Huế và định hướng sử dụng                              | Lê Bảo Nguyên<br>Nguyễn Nam Phương<br>Phùng Thị Thu Hằng   | Kỹ thuật Địa chất K66  | Phan Việt Sơn          |
| 26       | Đặc điểm thành phần khoáng vật, tính chất hóa lý của than và tro than từ Nhà máy nhiệt điện Na Dương và định hướng sử dụng | Ngô Ngọc Sơn<br>Souphihalath Inthawa   | Kỹ thuật Địa chất K64  | Bùi Hoàng Bắc          |
| 27       | Đặc điểm thạch học, địa hóa tổ hợp mafic-felsic khu vực Đức Hạnh, Đồng Văn, Hà Giang.                                      | Vũ Minh Khánh<br>Lê Đình Khánh<br>Đỗ Hồng Phúc<br>Trịnh Trung Sơn                                    | Kỹ thuật Địa chất K66  | Nguyễn Khắc Du         |
| 28       | Đặc điểm thành phần vật chất quặng antimon khu vực Đầm Hồng, Chiêm hóa- Tuyên Quang  | Trương Anh Tuệ<br>Namsaly Souvanxai  | Kỹ thuật Địa chất K64  | Lê Thị Thu             |
| 29       | Đặc điểm địa chất và chất lượng than khu mỏ Nam Mẫu, Uông Bí, Quảng Ninh   | Dương Gia Hải<br>Phan Việt Dương   | Kỹ thuật Địa chất K65  | Phan Việt Sơn          |
| <b>V</b> | <b>KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH (46 đề tài)</b>   |  |  |                        |
| 1        | Nghiên cứu vấn đề đạo đức, lối sống của sinh viên HUMG hiện nay  | Đường Thị Phương Nhung<br>Vũ Thị Thu Hương<br>Tăng Thị Loan<br>Phạm Thu Thủy<br>Hoàng Thị Thanh Hoài | Kế toán B1 K65   | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 2        | Vận dụng kế toán quản trị theo hướng tinh gọn tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI                         | Ngô Phương Anh<br>Vũ Mai Anh<br>Nguyễn Trúc Vy<br>Nguyễn Thị Hằng                                    | Kế toán B2 K65<br>Kế toán B2 K65<br>Kế toán B2 K65<br>Kế toán B1 K65 | Nguyễn Thị Minh Thu    |
| 3        | Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến giá trị các công ty cổ phần niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam               | Hoàng Lan Ánh<br>Phạm Thị Hiền<br>Trần Thị Linh<br>Khổng Thị Mai Phương<br>Trần Thị Nguyệt Minh      | Tài chính ngân hàng K64  | Nguyễn Thị Kim Oanh    |

| STT | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện   | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn    |
|-----|--|---|---|---------------------|
| 4   | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập các môn học đại cương của sinh viên năm nhất, năm hai Trường Đại học Mở - Địa chất | Phạm Thị Thu Hằng<br>Tống Phương Thảo<br>Nguyễn Minh Nguyệt<br>Trần Thị Hoài  | Kế toán C K65   | Nguyễn Thị Kim Liên |
| 5   | Nghiên cứu hành trang cho sinh viên khoa Kinh tế - QTKD trong bối cảnh chuyển đổi số   | Hoàng Thị Bích Hằng<br>Lê Thị Phương Thảo<br>Nguyễn Thị Tuyết Trinh<br>Nguyễn Thị Phương Thảo<br>Trịnh Thị Thu Hằng | Kế toán D1 K66<br>Quản trị kinh doanh B K66<br>Kế toán D1 K66<br>Quản trị kinh doanh B K66<br>Tài chính Ngân hàng A K65 | Phạm Thị Hồng Hạnh  |
| 6   | Nghiên cứu đòn bẩy tài chính trong cơ cấu nguồn vốn của các công ty cổ phần khai thác than Vinacomin                                   | Phạm Như Quỳnh<br>Vũ Thị Lan<br>Đỗ Khánh Linh<br>Hoàng Minh Cường   | Kế toán F2 K66  | Lưu Thị Thu Hà      |
| 7   | Nghiên cứu thực trạng đầu tư tài chính của sinh viên trường Đại học Mở - Địa chất.   | Đàm Thị Thanh Lam<br>Trần Thị Thanh Quyên<br>Nguyễn Hà Anh<br>Khúc Ngọc Phúc<br>Dương Mỹ Ngọc                       | Kế toán A2 K65<br>Kế toán A1 K65<br>Kế toán B1 K66<br>Kế toán B1 K66<br>Kế toán B1 K66                                  | Phí Thị Kim Thư     |
| 8   | Nghiên cứu tình hình đảm bảo nguồn vốn tại các công ty cổ phần khai thác than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam    | Nguyễn Thị Khánh Linh<br>Vương Thị Quỳnh<br>Nguyễn Thị Huyền<br>Nguyễn Thị Thu Hiền                                 | Kế toán D K64   | Dương Thị Nhân      |
| 9   | Nghiên cứu tình hình thu hút vốn đầu tư FDI vào Việt Nam   | Tô Hồng Phúc<br>Nguyễn Minh Phương<br>Nguyễn Tiến Việt Anh<br>Lê Thị Ngọc Linh<br>Nguyễn Thị Kim Liên               | Tài chính ngân hàng B K65   | Hoàng Thị Thủy      |

| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện  | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn       |
|-----|---|--|--|------------------------|
| 10  | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia các khóa bồi dưỡng kế toán ngắn hạn của sinh viên ngành kế toán Trường Đại học Mở - Địa chất | Nguyễn Thu Phương<br>Nguyễn Thị Ngọc Lan<br>Nguyễn Thị Hồng Vân<br>Trần Thanh Hiền<br>Nguyễn Thu Huệ | Kế toán D2 K66<br>Kế toán D2 K66<br>Kế toán F2 K66<br>Kế toán D2 K66<br>Kế toán D2 K66   | Phan Minh Quang        |
| 11  | Giải pháp phát triển các tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam   | Nguyễn Thu Hà<br>Nguyễn Hiền Anh<br>Đỗ Như Quỳnh<br>Phạm Minh Phương                                 | Tài chính ngân hàng C1 K66   | Phạm Thu Hương         |
| 12  | Giải pháp thúc đẩy kim ngạch thương mại hàng hóa song phương Việt Nam - Hàn Quốc  | Nguyễn Ngọc Phương Linh<br>Lê Thùy Uyên<br>Trần Quang Cảnh<br>Nguyễn Thị Liên<br>Bùi Hoa Lý          | Kế toán D1 K66<br>Kế toán D1 K66<br>Kế toán D1 K66<br>Kế toán D1 K66<br>Kế toán D1 K66   | Lê Thị Thu Hồng        |
| 13  | Tìm hiểu thực trạng về thị trường bảo hiểm lữ lạt ở Việt Nam  | Đỗ Thị Thu Thủy<br>Nguyễn Thị Thắng<br>Ngô Thị Diệu Linh<br>Dương Đông Sơn                           | Tài chính ngân hàng A1 K66   | Phạm Minh Hải          |
| 14  | Tìm hiểu thực trạng kinh tế chia sẻ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay   | Lê Thị Huyền Trang<br>Nguyễn Đình Hạnh<br>Trần Thị Mỹ Hạnh<br>Bùi Minh Trang                         | Quản trị TMĐT C2 K66<br>Quản lý CN B K66<br>Quản trị TMĐT A2 K66<br>Quản trị TMĐT B1 K66 | Nguyễn Tiến Hưng       |
| 15  | Nghiên cứu vấn đề đạo đức, lối sống của sinh viên HUMG hiện nay   | Đường Thị Phương Nhung Vũ<br>Thị Thu Hường<br>Tăng Thị Loan<br>Phạm Thu Thủy<br>Hoàng Thị Thanh Hoài | Kế toán B1 K65   | Nguyễn Thị Huyền Trang |
| 16  | Vận dụng kế toán quản trị theo hướng tinh gọn tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI  | Ngô Phương Anh<br>Vũ Mai Anh<br>Nguyễn Trúc Vy<br>Nguyễn Thị Hằng                                    | Kế toán B2 K65<br>Kế toán B2 K65<br>Kế toán B2 K65<br>Kế toán B1 K65                     | Nguyễn Thị Minh Thu    |

| <b>STT</b> | <b>Tên đề tài đăng ký</b>   | <b>Sinh viên thực hiện</b>  | <b>Lớp</b>  | <b>Cán bộ hướng dẫn</b> |
|------------|---|---|---|-------------------------|
| 17         | Nghiên cứu ảnh hưởng của cấu trúc vốn đến giá trị các công ty cổ phần niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam      | Hoàng Lan Ánh<br>Phạm Thị Hiền<br>Trần Thị Linh<br>Khổng Thị Mai Phương<br>Trần Thị Nguyệt Minh | Tài chính Ngân hàng K64   | Nguyễn Thị Kim Oanh     |
| 18         | Đo lường giá trị thương hiệu Trường Đại học Mở - Địa chất dưới góc nhìn sinh viên                                 | Nguyễn Thị Anh Thu<br>Hoàng Thị Kim Thoa<br>Phạm Minh Thúy                                      | Quản trị Kinh doanh A K66,<br>Quản trị TMĐT C1 K66<br>Quản trị TMĐT C1 K66  | Nguyễn Thu Hà           |
| 19         | Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng với khâu bán hàng của Công ty Toyota Quảng Ninh                             | Bùi Thị Thúy Hà<br>Nguyễn Thị Thu Hương<br>Đỗ Vũ Diệu Anh<br>Phạm Thị Phương Anh                | Kế toán C2 K66<br>QT Marketing – Truyền thông AK66<br>Quản trị Kinh doanh A K65<br>Kế toán C2 K66   | Phạm Ngọc Tuấn          |
| 20         | Nghiên cứu ứng dụng Marketing truyền miệng vào truyền thông tuyển sinh tại trường Đại học Mở - Địa chất.          | Cao Thùy Linh<br>Phạm Hồng Linh<br>Nguyễn Tiên Thành<br>Trần Thị Thủy<br>Đào Thị Hồng Hạnh      | QT Marketing – Truyền thông D K66   | Lê Minh Thống           |
| 21         | Nghiên cứu giải pháp Marketing điểm đến nhằm phát triển du lịch tại Hà Nội  | Bùi Huyền Dịu<br>Trương Thị Thủy Trang<br>Lê Thị Thủy Trang<br>Tô Thủy Hiền Trang               | Quản trị kinh doanh A k66<br>Tài chính ngân hàng C2 k66<br>Quản trị Thương mại điện tử C1 K66<br>Quản trị Marketing-truyền thông A K66                                    | Nguyễn Lan Hoàng Thảo   |
| 22         | Nghiên cứu sự tác động của các đặc điểm tính cách đến ý định khởi nghiệp kinh doanh, nghiên cứu trên thế hệ gen Z | Trần Thị Cúc<br>Nguyễn Minh Đức<br>Phạm Thị Lợi<br>Kim Ngọc Minh Công<br>Nguyễn Hồng Phúc       | Quản trị kinh doanh C K66   | Nguyễn Thanh Thủy       |
| 23         | Xây dựng Storytelling trong hoạt động truyền thông của Trường Đại học Mở- Địa chất                                | Phạm Mai Hương<br>Nguyễn Đức Mạnh<br>Trần Thị Khuyên<br>Lê Thanh Tùng<br>Nguyễn Thị Hạnh        | QT Marketing –Truyền thông D K66<br>QT Marketing –Truyền thông D K66<br>Quản trị kinh doanh C K66<br>QT Marketing –Truyền thông A K66<br>QT Marketing –Truyền thông D K66 | Nguyễn Thanh Thủy       |



| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện   | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn    |
|-----|---|---|--|---------------------|
| 24  | Phân tích thực trạng hoạt động marketing của các doanh nghiệp nhỏ. Nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp nhỏ mây tre đan | Nguyễn Thị Hồng Khánh<br>Nguyễn Thị Minh Nguyệt<br>Nguyễn Thị Phương<br>Lê Thu Hà<br>Phạm Thị Dịu | Quản trị kinh doanh B K66<br>Quản trị kinh doanh B K66<br>Quản trị kinh doanh B K66<br>Quản trị TMĐT D2 K66<br>QT Marketing truyền thông E K66 | Trần Văn Hiệp       |
| 25  | Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp ngành điện - nghiên cứu trường hợp dự án phong điện                               | Lê Văn Hoàng<br>Nguyễn Thị Dung<br>Nguyễn Minh Đức  | Quản lý CN A K66<br>Quản lý CN A K66<br>Quản lý CN B K66   | Nguyễn Thị Hoài Nga |
| 26  | Giải pháp tái cơ cấu ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035                                       | Trần Thị Ngọc<br>Mà Thị Huyền Châu<br>Hà Hải Yến  | Quản lý CN B K66   | Nguyễn Ngọc Khánh   |
| 27  | Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ đào tạo của Trường Đại học Mở - Địa chất                           | Thái Thị Huyền<br>Nguyễn Thị Hậu<br>Hồ Sỹ Hùng<br>Lê Thị Diễm Quỳnh<br>Hoàng Thị Hồng Hoa         | Quản trị TMĐT B1 K66<br>Quản trị TMĐT B1 K66<br>QT Marketing truyền thông A K66<br>Quản trị TMĐT B1 K66<br>Quản trị TMĐT A K65                 | Lê Đình Chiểu       |
| 28  | Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của SV trường Đại học Mở -Địa chất                                     | Vũ Thị Hằng<br>Vũ Thị Thảo<br>Phạm Thị Hoài Ngọc<br>Lương Thị Thanh Huyền<br>Nguyễn Thị Mai Linh  | Kế toán A1 K65<br>Kế toán A2 K65<br>Tài chính ngân hàng K65<br>Quản trị kinh doanh B K65<br>Quản trị kinh doanh B K65                          | Phan Thị Thủy Linh  |
| 29  | Nghiên cứu giải pháp phát triển mô hình khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam  | Trịnh Quang Huy<br>Nguyễn Văn Khải<br>Nguyễn Thị Hồng<br>Nguyễn Thị Ngọc Dương<br>Ngô Thị Hoài    | Quản lý CN 66A<br>Quản lý CN 66B<br>Quản lý CN 66B<br>Quản lý CN 66A<br>Quản lý CN 66B   | Đồng Thị Bích       |
| 30  | Đánh giá nhận thức của sinh viên trường Đại học Mở-Địa chất về vấn đề sống chung trước hôn nhân của nam, nữ sinh viên     | Trần Lê Vy<br>Phạm Thị Dương<br>Hà Khải Nhi<br>Nguyễn Thanh Thu<br>Lê Thị Hằng                    | Kế toán C K65<br>Kế toán C K65<br>Kế toán B1 K65<br>QTKD C K66<br>QT Marketing và truyền thông EK66  | Nguyễn Đức Thắng    |

| STT | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện  | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn |
|-----|--|--|---|------------------|
| 31  | Nghiên cứu xây dựng chiến dịch Digital Marketing trên mạng xã hội Tiktok cho hoạt động tuyển sinh của trường Đại học Mở - Địa chất | Bùi Thị Thanh Thảo<br>Nguyễn Đình Hiệp<br>Lê Thuỳ Dương<br>Vũ Thị Hồng Phượng<br>Vũ Minh Đạt         | Quản trị TMĐT C2 K66<br>Quản trị TMĐT C2 K66<br>QT Marketing và truyền thông A K66<br>QT Marketing và truyền thông E K66<br>Quản trị TMĐT C K66 | Lê Văn Chiến     |
| 32  | Nghiên cứu lòng trung thành của khách hàng sinh viên khi mua sắm trực tuyến  | Nguyễn Thị Thoa<br>Nguyễn Kiều Linh<br>Nguyễn Thị Thu Nguyên<br>Trần Đỗ Bạch Dương<br>Nguyễn Thu Vân | Quản trị TMĐT D1 K66<br>Quản trị TMĐT D1 K66<br>Quản trị TMĐT D1 K66<br>Quản trị TMĐT A2 K66<br>Quản trị TMĐT D1 K66                            | Lê Văn Chiến     |
| 33  | Nghiên cứu phân tích dữ liệu văn bản, áp dụng cho một số dữ liệu có liên quan đến sinh viên  | Nguyễn Thị Hiền<br>Nguyễn Thị Hương<br>Nguyễn Khánh Huyền<br>Phan Thị Khánh An<br>Nguyễn Thùy Dương  | Quản trị TMĐT C K65<br>Quản trị TMĐT C K65<br>Quản trị TMĐT C K65<br>Quản trị TMĐT C K65<br>Kế toán F1 K66                                      | Phạm Kiên Trung  |
| 34  | Đánh giá năng lực số của sinh viên HUMG, nghiên cứu tại Khoa Kinh tế - QTKD và Khoa Công nghệ thông tin                            | Lê Hoàng Hiệp<br>Trần Khánh Huyền<br>Nguyễn Thị Quỳnh<br>Bùi Thị Ngọc Ánh<br>Trịnh Thị Huệ           | Quản trị TMĐT K65C<br>Quản trị TMĐT K65A<br>Quản trị TMĐT K65A<br>Quản trị TMĐT K65A<br>Quản trị TMĐT K64B                                      | Phạm Kiên Trung  |
| 35  | Bao bì trong Thương mại điện tử: Vai trò và xu hướng phát triển  | Tạ Thị Quyên<br>Nguyễn Thị Kim Oanh<br>Đoàn Danh Tiệp<br>Trần Thị Kim Anh                            | Quản trị TMĐT 66C1<br>Quản trị TMĐT 66C1<br>Quản trị TMĐT 66C1<br>Quản trị TMĐT 66C1  | Nguyễn Thị Hường |
| 36  | Xanh hóa hoạt động vận tải hàng hóa: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho VN   | Võ Ngọc Khánh<br>Nguyễn Kim Ngọc<br>Phạm Thu Hà<br>Đỗ Thị Hồng Vân<br>Nguyễn Mạnh Duy                | Quản lý Công nghiệp 66B<br>Quản lý Công nghiệp 66B<br>Quản lý Công nghiệp 66B<br>Quản lý Công nghiệp 66B<br>Quản lý Công nghiệp 66B             | Nguyễn Thị Hường |

| <b>STT</b> | <b>Tên đề tài đăng ký</b>   | <b>Sinh viên thực hiện</b>   | <b>Lớp</b>   | <b>Cán bộ hướng dẫn</b> |
|------------|---|--|--|-------------------------|
| 37         | Một số nhân tố ảnh hưởng đến hành vi lên tiếng của khách hàng: Nghiên cứu trường hợp hành vi lên tiếng của sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội | Nguyễn Hiếu Linh<br>Đinh Như Quỳnh<br>Đỗ Thị Phương Anh<br>Nguyễn Thị Thảo Vi<br>Phạm Thu Uyên               | Tài chính ngân hàng K65A<br>Tài chính ngân hàng K65B<br>Tài chính ngân hàng K65B<br>Kế toán K66D2<br>Tài chính ngân hàng 66 B2 | Lê Thị Thu Hương        |
| 38         | Nghiên cứu các nhân tố tác động đến quyết định đặt mua trực tuyến đồ ăn nhanh của sinh viên trường đại học mỏ - Địa Chất                                  | Nguyễn Thị Bích Ngọc<br>Nguyễn Văn Trí<br>Nguyễn Văn Thương<br>Nguyễn Thị Vân Anh<br>Vũ Thị Bích Ngọc        | Quản trị TMĐT B K65  | Nguyễn Văn Thương       |
| 39         | Nghiên cứu giải pháp phát triển hoạt động truyền thông trực tuyến trên fanpage Tư vấn tuyển sinh của Trường Đại học Mỏ-Địa chất                           | Phạm Thị Trà<br>Bùi Kim Chi<br>Lê Thị Mai<br>Mai Thị Huyền Trang<br>Ngô Thị Thúy Quỳnh                       | Quản trị KD A K65<br>Quản trị TMĐT A K65<br>Quản trị TMĐT A K65<br>Quản trị TMĐT A1K66<br>Quản trị TMĐT B1K66                  | Nguyễn Ngọc Khánh       |
| 40         | Nghiên cứu giải pháp truyền thông điện tử đa kênh, ứng dụng trong hoạt động tuyển sinh ngành Quản lý công nghiệp giai đoạn 2023-2025.                     | Nguyễn Thị Thủy Tiên<br>Dương Thị Phương Nga<br>Phan Thị Minh Anh<br>Nguyễn Thị Thoan<br>Nguyễn Thị Khánh Ly | Quản trị TMĐT B K65<br>Quản trị TMĐT B K65<br>Quản trị TMĐT B K65<br>Quản trị TMĐT A2 K66<br>Quản trị TMĐT A2 K66              | Nguyễn Thị Hoài Nga     |
| 41         | Các hình thức lừa đảo trực tuyến đối với sinh viên: Nhận diện và một số giải pháp khắc phục   | Lê Thị Thanh Nga<br>Đỗ Thị Ngọc Châm<br>Nguyễn Hải Yến<br>Đàm Thị Trà Mi                                     | Tài chính ngân hàng K66B2  | Lê Đình Chiều           |
| 42         | Ứng dụng bảng tính Microsoft Excel trong kế toán nguyên vật liệu  | Nguyễn Phương Mai<br>Vũ Phương Linh<br>Nguyễn Thị Quỳnh Liên<br>Nguyễn Bá Tú<br>Chu Thị Thanh Hà             | Kế toán B1 K65   | Nguyễn Thị Bích Ngọc    |

| STT       | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện  | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn    |
|-----------|---|--|---|---------------------|
| 43        | Nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện trường Đại học Mở-Địa chất   | Vũ Thị Thanh Hoa<br>Nguyễn Thị Hương Giang<br>Nguyễn Thị Kiều Diễm<br>Phan Thị Ánh Nguyệt<br>Nguyễn Thị Thương | Kế toán A K64<br>Tài chính ngân hàng A K65<br>Kế toán B1 K65<br>Quản trị kinh doanh C K65<br>Kế toán B1 K65 | Phạm Thu Trang      |
| 44        | Nghiên cứu lợi thế so sánh trong xuất khẩu gạo của Việt Nam   | Trần Thị Thảo<br>Nguyễn Thị Huyền Thương<br>Đỗ Thu Thủy<br>Nguyễn Thị Minh Thanh<br>Trịnh Hà Thu Trang         | Kế Toán C1 K66  | Vũ Diệp Anh         |
| 45        | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đặt đồ ăn trực tuyến của sinh viên trường đại học Mở- Địa chất    | Nguyễn Thị Hương Liên<br>Mai Thị Tình<br>Lê Tùng Dương<br>Nguyễn Bích Ngọc                                     | Kế toán B1 K66<br>Kế toán B1 K66<br>QT Marketing và truyền thông EK66<br>Kế toán D2 K66                     | Nguyễn Thanh Thảo   |
| 46        | Chính sách phát triển doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam. Thực trạng và khuyến nghị   | Bùi Thị Hòa<br>Chu Thị Trang<br>Nguyễn Thị Hậu<br>Lê Thị Mai Anh<br>Ngô Thu Trang                              | Kế toán B2 K65  | Nguyễn Thị Ngọc Anh |
| <b>VI</b> | <b>KHOA MỎ (21 đề tài)</b>  |  |   |                     |
| 1         | Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ khai thác quặng Bauxit trong điều kiện mùa mưa cho Công ty TNHH Nhôm Lâm Đồng TKV                         | Bùi Văn Hữu<br>Kuaneg Vue<br>Ngô Quang Toàn  | Khai thác K64   | Nguyễn Anh Tuấn     |
| 2         | Nghiên cứu lựa chọn sơ đồ điều khiển nổ vi sai hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác nổ mìn cho các mỏ than lộ thiên thuộc TKV           | Ngô Quốc Dũng<br>Phongsavat Jaiphet<br>Trần Văn Hôn  | Khai thác K64<br>Khai thác K64<br>Khai thác K65   | Trần Quang Hiếu     |
| 3         | Nghiên cứu lựa chọn công nghệ nổ mìn đảm bảo an toàn, giảm thiểu tác động có hại đến môi trường cho các mỏ khai thác đá vật liệu xây dựng | Trần Xuân Đức<br>Nguyễn Tuấn Anh<br>Đoàn Đức Tuyên   | Khai thác K64   | Nguyễn Đình An      |

| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện                                   | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn |
|-----|---|---|--|------------------|
| 4   | Nghiên cứu xác định biên giới mở lộ thiên hợp lý theo phương pháp bình đồ phân tầng cho vỉa Dày mỏ than Tây Khe Sim   | Nguyễn Tân Việt<br>Lê Hồng Quân                       | Khai thác K64  | Phạm Văn Việt    |
| 5   | Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để giảm hiện tượng đá bay, đảm bảo an toàn và hiệu quả sản xuất trong quá trình nổ mìn khai thác các mỏ đá vôi dạng địa hình đồi núi. | Hoàng Đình Nam<br>Nguyễn Ngọc Lộc<br>Lưu Công Định    | Khai thác K65  | Trần Đình Bảo    |
| 6   | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá hiệu quả đồng bộ thiết bị xúc bóc-vận tải ở các mỏ đá thuộc Công ty cổ phần xi măng Bút Sơn                      | Đinh Bá Lâm<br>Bùi Văn Hữu<br>Vue Kuaneng             | Khai thác K64  | Phạm Văn Hòa     |
| 7   | Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí đánh giá mức độ an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác đá trên địa bàn tỉnh Bình Dương.                                      | Nguyễn Thanh Phong<br>Trần Đình Văn<br>Bùi Trung Mạnh | Khai thác K65  | Đỗ Ngọc Hoàn     |
| 8   | Nghiên cứu thu hồi BiOCl từ bụi lò SKS nhà máy luyện đồng Lào Cai theo quy trình Hòa tách – Kết tủa chọn lọc  | Ngô Văn Định<br>Vũ Việt Hưng<br>Nguyễn Sĩ Việt        | Tuyển khoáng K65   | Trần Trung Tới   |
| 9   | Nghiên cứu xác định trở lực lọc của vật liệu mịn và siêu mịn  | Bùi Như Hạnh<br>Nguyễn Duy Thắng<br>Vàng Thị Tươi     | Tuyển khoáng K64   | Phạm Thanh Hải   |
| 10  | Nghiên cứu công nghệ tuyển tủa thu quặng tinh sắt từ đuôi thải của xưởng tuyển sắt Kíp Tước – Lào Cai   | Lã Thị Chính<br>Lê Quang Kiên<br>Ngô Hoài Duyên       | Tuyển khoáng K64   | Phạm Thị Nhung   |
| 11  | Nghiên cứu quá trình hòa tách thu hồi Li từ pin thải bằng dung dịch $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$   | Nguyễn Kim Chi<br>Vũ Thanh Tùng                       | Tuyển khoáng K66   | Phùng Tiến Thuật |
| 12  | Nghiên cứu Tuyển quặng đuôi apatit Lào Cai bằng máy tuyển nổi cơ giới truyền thống  | Đỗ Quốc Chung<br>Trần Trung Đức<br>Hoàng Đức Toàn     | Tuyển khoáng K64<br>Tuyển khoáng K65<br>Tuyển khoáng K65 | Trần Văn Được    |

| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện                               | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn  |
|-----|---|---|---|-------------------|
| 13  | Nghiên cứu thu hồi Cu trong xỉ luyện nhà máy luyện đồng Lào Cai bằng phương pháp tuyển nổi sử dụng 1 số loại thuốc tập hợp khác nhau và hỗn hợp của chúng | Tạ Phương Anh<br>Vũ Thành Nam<br>Cao Lan Phương   | Tuyển khoáng K64                                | Vũ Thị Chinh      |
| 14  | Xác định chế độ công tác hợp lý của các trạm quạt gió chính khu mỏ Cánh Gà, Công ty CP than Vàng Danh-Vinacomin   | Trần Mai Linh<br>Nguyễn Công Minh<br>Hoàng Văn Lý | Khai thác K65<br>Khai thác K64<br>Khai thác K64 | Nguyễn Văn Thịnh  |
| 15  | Nghiên cứu đề xuất giải pháp công nghệ nâng cao sự ổn định gương và nóc lò chợ dưới tầng đá vách ổn định trung bình tới bền vững vùng than Quảng Ninh.    | Nông Lương Minh<br>Nguyễn Sỹ Nam                  | Khai thác K65                                   | Lê Tiến Dũng      |
| 16  | Nghiên cứu các giải pháp công nghệ chèn lò nhằm bảo vệ các công trình bề mặt và giảm thiểu tổn thất tài nguyên cho khu cánh Nam công ty than Mạo Khê.     | Bùi Trung Hiếu<br>Phạm Việt Hoàng                 | Khai thác K65                                   | Bùi Mạnh Tùng     |
| 17  | Lựa chọn vật liệu chống giữ hợp lý cho lò thượng thông gió -90/+0 khu Giếng Vàng Danh, Công ty cổ phần than Vàng Danh-Vinacomin                           | Đỗ Trọng Nghĩa<br>Trần Văn Hà<br>Trần Văn Long    | Khai thác K65<br>Khai thác K64                  | Nguyễn Cao Khải   |
| 18  | Xác định trạng thái ứng suất-biến dạng của khối đá xung quanh đường lò chuẩn bị tái sử dụng trong sơ đồ công nghệ khai thác cột dài.                      | Phạm Anh Tuấn<br>Nguyễn Bá Lành                   | Khai thác K65<br>Khai thác K64                  | Lê Quang Phục     |
| 19  | Nghiên cứu áp dụng công nghệ khai thác bằng máy khâu than kết hợp với giá thủy lực di động tại Công ty 790 – Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc              | Phạm Công Triu<br>Phạm Tuấn Minh                  | Khai thác K65                                   | Vũ Thái Tiến Dũng |
| 20  | Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của khai thác hầm lò tại khu vực Vũ Môn đến bề mặt địa hình mỏ than Mông Dương  | Phạm Quý Ninh<br>Ngô Quang Toàn                   | Khai thác K64                                   | Phạm Đức Hưng     |

| STT         | Tên đề tài đăng ký   | Sinh viên thực hiện  | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn |
|-------------|--|--|---|------------------|
| 21          | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ khai thác không trụ bảo vệ tại khu Khe Chàm I – Công ty than Hạ Long - TKV                         | Trần Mai Linh<br>Nguyễn Công Minh<br>Hoàng Văn Lý                                | Khai thác K65<br>Khai thác K64<br>Khai thác K64                 | Nguyễn Phi Hùng  |
| <b>VII</b>  | <b>KHOA MÔI TRƯỜNG (05 đề tài)</b>   |  |   |                  |
| 1           | Nghiên cứu ảnh hưởng bãi giềng khai thác nước dưới đất khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đến môi trường.  | Lã Đại Thắng<br>Cao Hữu Tài  | Kỹ thuật môi trường K65   | Đỗ Văn Bình      |
| 2           | Xây dựng mô hình khối 3 chiều phục vụ đánh giá tác động cảnh quan môi trường và phân tích an toàn sườn dốc                       | Khúc Chí Thao<br>Nguyễn Thùy Trang<br>Kiều Thị Mai Anh                           | Kỹ thuật môi trường K65<br>Quản lý tài nguyên và môi trường K66 | Nguyễn Quốc Phi  |
| 3           | Ước lượng một số yếu tố sinh thái tại khu vực Văn Giang, Hưng Yên sử dụng nguồn tư liệu ảnh viễn thám                            | Tạ Đức Thịnh<br>Trần Thị Lan Anh<br>Lò Văn Bổng<br>Phạm Văn Hậu                  | Quản lý tài nguyên và môi trường K66                            | Nguyễn Quốc Phi  |
| 4           | Nghiên cứu đề xuất giải pháp tối ưu quy trình sản xuất phân compost tại nhà máy Nông nghiệp hữu cơ Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội  | Trần Thị Phương Linh<br>Nguyễn Châm Anh<br>Lê Thùy Lanh                          | Quản lý tài nguyên và môi trường K66                            | Đào Trung Thành  |
| 5           | Đánh giá chất lượng sinh thái và tác động của quá trình đô thị hóa dựa vào chỉ số RSEI tại tỉnh Lào Cai.                         | Nguyễn Thị Thuý Hiền<br>Vũ Duy Hoàng   | Quản lý tài nguyên và môi trường K66                            | Phan Thị Mai Hoa |
| <b>VIII</b> | <b>KHOA TRẮC ĐỊA (15 đề tài)</b>   |  |   |                  |
| 1           | Nghiên cứu kỹ thuật xử lý đám mây điểm Lidar từ máy bay không người lái UAV  | Nguyễn Đình Thắng<br>Vũ Đại An<br>Lê Đức Hải<br>Trần Quý Anh<br>Đỗ Hoàng Long    | Địa tin học K65   | Trần Trung Anh   |
| 2           | Tìm hiểu công tác lập hồ sơ thửa đất phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Đường dây 500kV Nam Định 1- Thanh Hóa | Lã Đình Bình<br>Phạm Thái Thiện<br>Đỗ Thùy Linh<br>Mai Cao Cung<br>Vũ Duy Phương | Quản lý đất đai A2 K66  | Phạm Thế Huỳnh   |

| STT | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện   | Lớp  | Cán bộ hướng dẫn   |
|-----|---|---|--|--------------------|
| 3   | Khảo sát kết quả quét LIDAR mặt đất sử dụng thiết bị thông minh cầm tay                           | Hà Diệu Anh<br>Trần Thị Lan<br>Phạm Thị Thu Hà  | Trắc địa K66   | Phạm Ngọc Quang    |
| 4   | Nghiên cứu xác định đối tượng mặt nước từ ảnh viễn thám sử dụng lập trình Python và công nghệ GIS | Nguyễn Phương Linh<br>Nguyễn Thị Thu Hiền<br>Nguyễn Thế Long                            | Địa tin học K64<br>Địa tin học K65<br>Trắc địa K64   | Phạm Thị Thanh Hòa |
| 5   | Tìm hiểu về các chỉ số NDVI, NDBI và NHDH trong chiết tách thông tin vùng đô thị từ ảnh viễn thám | Lưu Trần Việt Cường<br>Trần Quốc Nam<br>Nguyễn Trung Hiếu Nguyễn Hoàng Dương            | Địa tin học K65<br>Địa tin học K65<br>Địa tin học K65<br>Trắc Địa K66                                | Trần Thanh Hà      |
| 6   | Nghiên cứu xác định điểm trượt lở đất bằng công nghệ viễn thám và Google Earth Engine             | Phạm Thị Lan Anh<br>Phạm Công An<br>Ngô Thị Diệu Thư<br>Hoàng Mạnh Khải<br>Vũ Ngọc Khôi | Địa tin học K65<br>Địa tin học K65<br>Địa tin học K65<br>Địa tin học K66<br>Địa tin học K66          | Lê Thanh Nghị      |
| 7   | Đánh giá công tác xây dựng giá đất khu vực Thanh Hóa  | Nguyễn Thị Linh<br>Thái Dương Anh<br>Mai Văn Công                                       | Quản lý đất đai K64  | Phạm Thị Kim Thoa  |
| 8   | Đánh giá thực trạng quỹ đất giao thông tại quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                            | Vũ Đan Trường<br>Đặng Thanh Hòa<br>Nhâm Quang Sơn<br>Nguyễn Tiến Tùng                   | Quản lý đất đai A2 K66<br>Quản lý đất đai A2 K66<br>Quản lý đất đai A1 K66<br>Quản lý đất đai A1 K66 | Trần Xuân Miên     |
| 9   | Tìm hiểu hoạt động kinh doanh bất động sản tại một số sàn giao dịch bất động sản ở Hà Nội         | Nguyễn Hoàng Hải<br>Trần Khánh Hiệp<br>Nguyễn Cẩm Vân                                   | Quản lý đất đai K65  | Nguyễn Thị Kim Yến |
| 10  | Nghiên cứu ứng dụng phần mềm VMS trong công tác cập nhật biến động đất đai                        | Lê Ái Minh<br>Nguyễn Hoàng Dương<br>Bùi Anh Hùng<br>Vũ Minh Đức                         | Quản lý đất đai A1 K66   | Trần Thuỳ Dương    |



| STT       | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện  | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn     |
|-----------|---|--|---|----------------------|
| 11        | Tìm hiểu ứng dụng phần mềm Global Mapper trong trắc địa   | Ngô Thị Ánh Quỳnh<br>Trần Hồng Oanh<br>Nguyễn Thành Đạt<br>Đặng Minh Khánh   | Quản lý đất đai B K67   | Phùng Minh Sơn       |
| 12        | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ UAV thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn phục vụ công tác khảo sát thiết kế đường giao thông | Nguyễn Xuân Tú<br>Khiếu Đăng Hữu<br>Nguyễn Tiên Hoàng                        | Trắc địa K65<br>Trắc địa K65<br>Trắc địa K66  | Vương Trọng Kha      |
| 13        | Nghiên cứu thiết kế tiêu sử dụng trong bay chụp UAV   | Hoàng Mạnh Khải<br>Nguyễn Phương Linh<br>Nguyễn Thị Thu Hiền                 | Địa tin học K66<br>Địa tin học K64<br>Địa tin học K65   | Nguyễn Danh Đức      |
| 14        | Nghiên cứu xây dựng mô hình thành phố 3D từ dữ liệu bay chụp UAV  | Tạ Quang Vinh<br>Nguyễn Thành Hưng<br>Nguyễn Ngô Quang Tường                 | Trắc địa K66  | Cao Xuân Cường       |
| 15        | Ứng dụng thiết bị đo nghiêng tiltmeter để quan trắc độ nghiêng công trình nhà cao tầng                                    | Nguyễn Minh Lãm  | Trắc địa k64  | Nguyễn Thị Kim Thanh |
| <b>IX</b> | <b>KHOA XÂY DỰNG (08 đề tài)</b>  |  |   |                      |
| 1         | Nghiên cứu chế tạo bê tông nhẹ khí không chung áp cường độ chịu nén lớn hơn 20 MPa.                                       | Bùi Đức Tùng<br>Phan Duy Sơn<br>Nguyễn Trung Sơn<br>Phạm Văn Dưỡng           | Xây dựng dân dụng và CN K64<br>Xây dựng dân dụng và CN K66  | Lê Huy Việt          |
| 2         | Nghiên cứu phương pháp đánh giá sự giảm khối lượng của bê tông công trình biển.   | Nguyễn Ngọc Khải<br>Trần Quang Đạt<br>Trần Hữu Tuấn                          | Xây dựng dân dụng và CN K64<br>Xây dựng dân dụng và CN K65<br>Xây dựng dân dụng và CN K65   | Ngô Xuân Hùng        |
| 3         | Nghiên cứu đánh giá sự thay đổi vận tốc xung siêu âm của cầu kiện dầm bê tông cường độ cao khi có vết nứt                 | Bùi Quang Huy<br>Đỗ Ngọc Huy<br>Lê Văn Long<br>Ngô Đại Nam<br>Trình Văn Hiếu | Xây dựng dân dụng và CN K64<br>Xây dựng dân dụng và CN K64<br>Xây dựng dân dụng và CN K66<br>Xây dựng dân dụng và CN K66<br>Xây dựng dân dụng và CN K66 | Phạm Thị Nhân        |
| 4         | Nghiên cứu tổng quan về tính chất và khả năng ứng dụng bê tông bọt được chế tạo từ vật liệu trong nước                    | Nguyễn Việt Tùng Dương<br>Lê Ngọc Trường Sơn<br>Hoàng Trọng Toàn             | Xây dựng dân dụng và CN K64   | Tăng Văn Lãm         |

| STT      | Tên đề tài đăng ký  | Sinh viên thực hiện  | Lớp   | Cán bộ hướng dẫn     |
|----------|---|--|---|----------------------|
| 5        | Nghiên cứu đặc điểm và quy trình công nghệ gia cường cấu kiện dầm, sàn nhà cao tầng bê tông cốt thép sử dụng tấm sợi carbon cường độ cao CFRP                                 | Olontumen Olonbayar<br>Tsogtbaatar Shirnendorj   | Xây dựng dân dụng và CN K61                   | Bùi Văn Đức          |
| 6        | Nghiên cứu xây dựng phương án gia cường cho kết cấu bản móng bê tông đặt trên nền địa chất chịu áp lực đẩy nổi tại tổ hợp dự án lọc hóa dầu Long Sơn, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. | Kayangxiong Yeuxiong<br>Khamkeo choy   | Xây dựng dân dụng và CN K64                   | Bùi Văn Đức          |
| 7        | Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo diện tích mặt cắt ngang của đường hầm khi thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.  | Hoàng Ngọc Tuấn<br>Vũ Đức Duy  | Xây dựng Công trình ngầm K65                  | Nguyễn Chí Thành     |
| 8        | Nghiên cứu ảnh hưởng của khớp nối đến biểu hiện của vỏ hầm lắp ghép   | Mã Văn Minh<br>Nguyễn Danh Trường  | Xây dựng Công trình ngầm K65                  | Nguyễn Tài Tiến      |
| <b>X</b> | <b>CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN (02 đề tài)</b>   |  |   |                      |
| 1        | Nghiên cứu tận dụng rác thải nhựa và phế thải công nghiệp để chế tạo gạch không nung  | Nguyễn Tuấn Nghĩa<br>Nguyễn Tuấn Thành<br>Cao Trọng Đại<br>Lê Minh Sơn                   | Chương trình tiên tiến K66<br>Lọc Hóa dầu K64 | Bùi Thị Lệ Thủy      |
| 2        | Nghiên cứu chế tạo vật liệu có khả năng tách dầu/nước từ nguồn nguyên liệu bã mía bằng phương pháp loại lignin  | Lê Đức Quang Minh<br>Hà Đình Nghĩa<br>Trần Đức Anh<br>Nguyễn Trung Kiên<br>Bùi Minh Phúc | Chương trình tiên tiến K66                    | Tống Thị Thanh Hương |